

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 87

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi bảy, dòng thứ tư, bắt đầu từ câu cuối cùng:

“*Thắng giả, thắng quá dư học, siêu ư cửu thập lục chủng ngoại đạo chi thượng*” (Thắng là vượt hơn những kẻ học khác, vượt lên trên cả chín mươi sáu thứ ngoại đạo). Chữ Đại có ba ý nghĩa là Đại, Đa, Thắng, trong phần trước đã học [Đại và Đa]. Hôm nay, [chúng ta] xem từ chữ Thắng. “*Thắng quá dư học*” (vượt hơn những kẻ học khác), “*thắng*” (勝) là thù thắng, cũng có nghĩa là vượt trội. Thuở ấy, tại Ấn Độ, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nổi tiếng nhất là chín mươi sáu loại ngoại đạo. Ngoại đạo trọn chẳng phải là những người tu đạo ở ngoài Phật pháp, chẳng mang ý nghĩa ấy! Các đồng học chúng ta nhất định phải biết: Cầu pháp ngoài tâm đều gọi là ngoại đạo. Nếu người học Phật chúng ta cũng cầu pháp ngoài tâm thì cũng gọi là ngoại đạo, loại ngoại đạo này gọi là “*môn lý ngoại*” (門裡外), tức là ngoại đạo trong Phật môn, trên thực tế, có chẳng ít người! Phật pháp được gọi là “*nội học*”, “*nội*” (內) là gì? Nội là tự tánh, do vậy, hết sức coi trọng trở về tự tánh. Vì sao? Chúng ta đã học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, tôi nhắc tới cuốn sách này mọi người liền hiểu, sẽ hiểu rất rõ nội và ngoại. Giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm*”, nếu hướng về tâm để cầu, đây là nội học, gọi là Phật pháp. Nếu trái ngược phương hướng ấy, hướng ra ngoài để cầu thì là ngoại đạo. Do vậy, có thể biết: Chúng ta học Phật, ngoại đạo trong Phật môn cũng chẳng ít, mấy ai chẳng phan duyên bên ngoài? Nhãn Căn phan duyên Sắc Trần bên ngoài. Nhĩ Căn phan duyên Thanh Trần bên ngoài. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đều ở bên ngoài, phàm kẻ học theo những thứ ấy đều gọi là ngoại đạo. Do vậy, biết: Ý nghĩa được bao hàm trong từ ngữ “*ngoại đạo*” vô cùng rộng, mấy ai có thể hướng theo tâm tánh? Quả thật chỉ có Đại Thừa Phật pháp! Tiểu Thừa vẫn còn phan duyên bên ngoài; chỉ có Đại Thừa Phật pháp khởi tâm động niệm quán chiếu tự tánh, nên gọi là “*nội học*”. Vì thế, kinh Phật, đặc biệt là kinh Đại Thừa, được gọi là “*nội điển*”. Chúng ta hiểu rõ sự khác biệt giữa nội và ngoại. Do vậy, [từ ngữ] “*ngoại đạo*” chẳng phải là coi rẻ người khác, chẳng phải là xem nhẹ, cũng chẳng có nghĩa là hạ thấp, mà là tông chỉ, phương hướng, mục tiêu tu học [của họ] khác với pháp Đại Thừa. Mục tiêu, phương hướng, và tông chỉ của pháp Đại Thừa đều là minh tâm kiến tánh; bất luận pháp môn nào, Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền giáo, Mật giáo, mục tiêu cuối cùng đều là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành*”

Phật”. Trong sự giáo dục của đức Phật, đạt đến kiến tánh thì người ấy được coi như đã tốt nghiệp, [tức là] tốt nghiệp pháp Đại Thừa. Tốt nghiệp là thành Phật.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới cội Bồ Đề, điều ấy được gọi là “thành đạo”, hoặc còn gọi là “thành Phật”. Tại Trung Quốc, mọi người đều coi nhân vật đại biểu [cho sự đại triệt đại ngộ] là Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền Tông đời Đường. Thật ra, tại Trung Quốc, người đại triệt đại ngộ trong Tông Môn và Giáo Hạ rất nhiều. Từ Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện, quý vị có thể thấy: Bất luận tại gia hay xuất gia đều đạt tới cảnh giới ấy. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới cảnh giới ấy, vì chuyện này hết sức trọng yếu. Học Phật rốt cuộc là học gì? Kinh giáo chẳng phải là trọng yếu nhất, nhưng [những điều được giảng trong kinh điển] là phương pháp trọng yếu nhất, phải hiểu điều này. Kinh giáo đã là phương pháp thì dụng ý ở chỗ nào? Dụng ý là đức Phật giảng rõ ràng, minh bạch nội và ngoại, quý vị sẽ giác ngộ. Sự giác ngộ ấy được gọi là giải ngộ; “tín, giải” là giải ngộ. Sau khi giải ngộ, quý vị có thể khởi hạnh, sau đấy mới có thể chứng ngộ. Chứng ngộ mới đáng kể, chứ giải ngộ chẳng đáng kể đến! Nói theo cách bây giờ, giải ngộ thuộc về Phật học, chứng ngộ là học Phật. Bởi lẽ, quý vị chẳng tin, sẽ không thể lý giải, làm sao tu hành? Tu hành là tu gì? Chúng ta bèn hiểu rõ ràng, minh bạch dụng ý của kinh điển. Không có kinh điển, chúng ta vĩnh viễn mê hoặc, chẳng liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh điển giảng rõ chân tướng. Vũ trụ do đâu mà có? Trong Phật pháp nói tới “pháp giới”, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, kinh điển thường nhắc tới những thứ này, chúng do đâu mà có? Có sao có mười pháp giới? Khoa học và triết học hiện thời đều nghiên cứu vấn đề này, không chỉ là trong hiện tại, mà xưa nay, trong ngoài nước, bao nhiêu người đang tra xét, nghiên cứu, thăm dò. Ai hiểu rõ ràng, minh bạch? Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu rõ, thật sự hiểu rõ. Các khoa học gia và triết học gia hiện thời thảo luận vấn đề, nhưng chẳng thể giải quyết vấn đề. Trong kinh Đại Thừa đã có toàn bộ [giải đáp], cho thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự hiểu rõ.

Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền, tổ tiên cũng hiểu rõ. Hiểu rõ như thế nào? Một câu thôi, “buông xuống liền hiểu rõ”, vì sao? Hiểu rõ là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, mỗi cá nhân đều hiểu rõ, chẳng có ngoại lệ. Vì vậy, đức Phật thường nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Trong phần trước, chúng tôi đã giảng ý nghĩa chữ Phật rất cặn kẽ, dùng tới hai tiếng đồng hồ để giới thiệu Thích Ca Mâu Ni Phật. Chữ “*Phật*” có nghĩa là giác ngộ, chữ “*thánh nhân*” của Trung Quốc có nghĩa là hiểu rõ, [danh xưng Phật và “*thánh nhân*”] có ý nghĩa tương đồng, hiểu rõ là giác ngộ, giác ngộ là hiểu rõ. Người Trung Quốc gọi người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là thánh nhân, cổ Ấn Độ gọi là Phật Đà. Đức Phật dạy: Bản năng của chúng ta hoàn toàn đều là thông đạt, hiểu rõ, chẳng có cao hay thấp; bởi lẽ, hết thấy chúng sanh vốn là Phật. Nay vì sao biến thành phàm phu? Đã mê rồi, mê mất tự tánh. Kinh Hoa Nghiêm nói về bản năng của tự tánh rất hay: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, “*hết thấy chúng sanh*” bao gồm chúng ta trong ấy, chúng ta chẳng phải là

ngoại lệ, đều có trí huệ, đức năng và tướng hảo giống hệt Như Lai, chẳng sai biệt. Cuối cùng, đức Thế Tôn nói một câu: “*Nhưng do vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”, quý vị thấy: Lật lá bài tẩy của chúng ta lên, [sẽ thấy rõ] vì sao chúng ta chẳng thể giống như Phật? Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là mê. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm là vọng tưởng. Từ vọng tưởng khởi phân biệt, từ phân biệt khởi chấp trước, càng mê càng sâu. Trong giáo pháp Đại Thừa, vọng tưởng thường được gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não, [đó là] ba loại đại phiền não. Chúng ta mê mất tự tánh, trọn chẳng phải là thật sự mất đi, mà là mê mất. Khi nào quý vị chẳng mê, nó sẽ hiện tiền, khởi tác dụng. Do vậy, đức Phật chẳng dạy chúng ta điều gì khác, mà dạy chúng ta hãy buông xuống, ba loại phiền não ấy thấy đều buông xuống, quý vị sẽ thành Phật, [bởi lẽ] quý vị vốn là Phật.

Phàm phu thành Phật phải mất bao lâu? Nói theo Lý là trong một niệm! Một niệm buông xuống, quý vị bèn thành Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện cho chúng ta thấy, nhất niệm! Tại Trung Quốc, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng thị hiện cho chúng ta thấy, cũng là một niệm. Kinh điển thường nói tới bậc thượng thượng căn, vượt trời chín mươi sáu loại ngoại đạo. Quý vị phải biết: Phật Thích Ca và Huệ Năng đại sư biểu diễn, thị hiện, há chỉ vượt trời chín mươi sáu loại ngoại đạo, mà là siêu việt viên mãn! Điều cốt yếu là quý vị có thể buông xuống. Chúng ta chẳng phải là hạng thượng thượng căn, không có cách nào đón xả, “trong một niệm hoàn toàn buông xuống” chúng ta làm không được. Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thấy chuyện này rất nhiều, rất rõ ràng, rất minh bạch, mà cũng có thể nói: “*Chỗ nào cũng là đạo*”, nhưng làm không được, thật vậy, chẳng giả! Đức Phật dạy chúng ta: Chẳng thể đón xả thì quý vị xả từ từ. Nói tóm lại một câu, mỗi ngày đều phải bỏ; chẳng bỏ, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có tiến bộ. Thừa chư vị, môn học vấn này chẳng tiến ất lùi. Quý vị không tiến bộ, chắc chắn sẽ lùi bước; lùi bước rất đáng sợ! Nay chúng ta được làm thân người, nhưng trong lục đạo, dưới chúng ta là A Tu La đạo, La Sát đạo, quỷ đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, quý vị nói xem: Có thể lùi bước hay chẳng? Vì thế, chẳng tiến về phía trước sẽ chẳng được, chẳng thể không tiến cao hơn! Nếu muốn tiến lên cao hơn, bí quyết là buông xuống, buông xuống từ chỗ nào? Trong mấy chục năm qua, tôi thường khích lệ các đồng học: “*Hãy buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham luyến ngũ dục, lục trần, buông tham, sân, si, mạn xuống*”, tôi nói mười sáu chữ. Tôi chẳng khoa trương may mắn nào, mà thật thà kính khuyên các đồng học: Làm được mười sáu chữ ấy, tự tư tự lợi chẳng còn, tiếng tăm, lợi dưỡng chẳng có. Ngũ dục lục trần cũng buông xuống, tham, sân, si, mạn mỏng nhạt, có nhập Phật môn hay không? Thừa quý vị, chưa nhập, tôi dẫn quý vị đến cửa ngõ, chưa nhập môn. Quý vị phải biết, phải hiểu rõ: Nhập môn thì nhất định phải tuân thủ tiêu chuẩn của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tiêu chuẩn của tôi thấp hơn Ngài, dẫn quý vị đến cửa ngõ. Tiêu chuẩn của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể biến đổi: Phải buông tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc xuống, quý vị mới có thể nhập môn. Tám mươi tám phẩm ấy thuộc về chín địa vị trong tam giới.

Nhằm thuận tiện dạy học, tám mươi tám phẩm quá nhiều, quá rắc rối, đức Thế Tôn đã quy nạp chúng thành năm loại lớn hòng dễ nói hơn: Loại thứ nhất trong năm loại lớn là Thân Kiến. Chúng ta luôn chấp trước thân này là ta, thứ kiến chấp này rất đáng ghét. Quý vị chấp trước có ta, khởi tâm động niệm, hết thấy tạo tác đều nhằm phục vụ ta, trật rồi! Đức Phật bảo: “Không có ta, thật sự không có ta”, quý vị ngỡ là “có ta” sẽ hồng bát. Một mê, hết thấy đều mê, mê đến cùng cực. Vì vậy, đầu tiên phải hiểu thân chẳng phải là ta, thân là gì? Thân là cái ta có, giống như quần áo. Quần áo chẳng phải là ta, nó mặc trên thân ta, ta có nó, phải hiểu rõ ràng quan niệm này. Ta mà còn phải buông xuống, huống gì những thứ ta có! Hễ buông xuống thứ này (chấp Ngã), năm thứ sau đều [buông xuống] rất dễ dàng. Loại thứ hai là Biên Kiến, nay chúng ta gọi Biên Kiến là đối lập. Ta còn chẳng có, đối lập với ai? Đương nhiên chẳng có đối lập, quý vị còn có thành kiến nữa chẳng? Thành kiến cũng không có. Vì thế, nói thật ra, mấu chốt của tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc là Ta (Ngã).

Sau khi đã phá ngã, thật sự buông xuống, biết vô ngã, giống như Thiên Tông Nhị Tổ Huệ Khả đến gặp Đạt Ma tổ sư, cầu Đạt Ma tổ sư an tâm cho Ngài. Ngài tìm đến tổ Đạt Ma, tổ Đạt Ma nói: “Ông đến tìm ta có chuyện gì?” “Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma tổ sư nói: “Ông lấy tâm ra, ta sẽ an nó cho ông”. Một câu nói ấy nhắc nhở Ngài, quay lại tìm, chẳng tìm được, tìm nửa ngày rồi nói: “Con tìm tâm trọn chẳng thể được”. Đạt Ma tổ sư nói: “*Dữ như an tâm cánh*”, [nghĩa là] ta đã an cái tâm cho ông ổn thỏa rồi! Do một câu nói này, [Nhị Tổ] bèn đại triệt đại ngộ. Quý vị thấy người ta vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tổ Đạt Ma truyền y bát cho Huệ Khả, đây là vị Tổ đời thứ hai của Thiên Tông. Đây là bậc thượng thượng căn, nhất thời đốn xả. Có thể đốn xả bèn đốn ngộ, may may vòng vèo cũng chẳng có. Mấu chốt là “có Ta”, tất cả hết thấy tội ác, nghiệp chướng đều từ đây sanh ra, quý vị nói nó có đáng sợ lắm hay không? Nếu thật sự có ta, thân thật sự là ta thì còn thông cảm được, quý vị vì nó mà tạo những nghiệp chướng ấy. Nó không có, căn bản là chẳng tồn tại! Đức Phật nói những lời ấy, kẻ bình phàm chúng ta rất khó tiếp nhận, rất khó lý giải, nhưng hiện thời, quả thật khoa học đã giúp đỡ Phật giáo rất lớn. Hiện thời trong ngành khoa học tiên tiến nhất, các nhà vật lý Lượng Tử Học đã phát hiện gì? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy, vô ngã, về căn bản không có Ngã tồn tại. Nói tới nhục thân này, họ biết nhục thân chẳng phải là ta, nhục thân là huyền tướng, chẳng thật, nhưng phải bỏ thì mới được. Chẳng thể bỏ, quý vị tạo nghiệp hằng ngày.

Trong Phật pháp có chân ngã hay không? Thưa quý vị, có! Minh tâm kiến tánh, chân ngã bèn hiện tiền. Quý vị thấy trong tự tánh có bốn tịnh đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Ngã có nghĩa là gì? Ngã có nghĩa là chủ thể, tự tại. Quý vị hãy nghĩ xem: Trên cái thân này có hai ý nghĩa ấy hay không? Có chủ thể hay không? Nếu thật sự có chủ thể, năm nào cũng là mười tám thì sẽ tốt đẹp lắm! Vì sao con người có già, bệnh, chết? Có thể làm chủ thì năm nào cũng là mười tám. Dân gian Trung Quốc tán thán Bồ Tát, “*Bồ Tát,*

Bồ Tát, niên niên thập bát” (Bồ Tát năm nào cũng mười tám), chẳng già! Chúng ta có cách nào làm được hay chẳng? Nếu quý vị kiến tánh, quả thật chẳng có mấy may mắn đề nào, đúng là như vậy. Đạo lý này rất sâu, nếu giảng ra thì chẳng phải là hai giờ, ngay cả hai mươi bốn giờ vẫn giảng không xong, thật đấy, chẳng giả chút nào! Do vậy, trong tự tánh có Ngã, có chủ tể, thật sự tự tại, đắc đại tự tại, trên thân chúng ta chẳng tìm được định nghĩa này. Có chân lạc, có Thường, Thường là vĩnh hằng không thay đổi, Lạc là vĩnh viễn chẳng khổ, lia khổ là Lạc, Tịnh là vĩnh viễn chẳng nhiễm ô. Huệ Năng đại sư kiến tánh đã báo cáo đơn giản, ngắn gọn với hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn, câu đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, quý vị thấy trong ấy có Tịnh, tức là Tịnh trong bốn tịnh đức. Câu thứ hai là “*nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”, đó là Thường, bất sanh, bất diệt, đó chính là Thường. “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”, đó là Ngã. Cuối cùng là “*có thể sanh vạn pháp*”, vốn tự trọn đủ, có thể sanh vạn pháp, đấy là tự tại! Vì vậy, hễ kiến tánh sẽ đạt được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, chúng thật sự có; nhưng nơi thân phàm phu hoàn toàn không có, hữu danh vô thực, tìm bốn chữ ấy không được, đều là giả. Chúng ta chớ nên không biết điều này; sau đấy, mới biết chúng ta học Phật là học gì? Mong đạt được gì? Phải biết cách học ra sao? Đây là một điều rất trọng yếu.

Chúng ta đọc lời chú giải tiếp theo: “*Tái giả, Phật Địa Luận lánh hữu tam nghĩa*” (Ngoài ra, Phật Địa Luận còn nêu lên ba nghĩa khác). Cũng là nói về sự thù thắng ấy, Phật Địa Luận nêu ra ba ý nghĩa. Thứ nhất là “*tối cực lợi căn*”, [tức là] căn tánh nhạy bén đạt tới mức cao tột nhất, “*Ba La Mật Đa chủng tánh*”, người Trung Quốc nói là “*bậc thượng thượng căn*”, mang ý nghĩa ấy. Người thượng thượng căn “*nghe một, ngộ cả ngàn*”, hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, họ có cần học hay không? Không cần, vì sao không cần? Bậc thượng thượng căn là người kiến tánh, vì hết thảy các pháp là tâm tướng, thức biến, kinh Hoa Nghiêm nói là “*duy tâm sở hiện*”. Tâm ấy là chân tâm, là tự tánh, là tự tánh sanh, tự tánh hiện, duy thức biến. Quý vị hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ tánh thức thì sáu căn tiếp xúc cảnh giới sẽ tự nhiên thông đạt, không cần học. Ngài A Nan kết tập kinh tạng, có thật sự cần phải nghe Thích Ca Mâu Ni Phật phức giảng hay chẳng? Chẳng phải! Ngài phức giảng như thế nào? Ngài đã kiến tánh, chỉ cần quý vị nói Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng một bộ kinh nào đó, Ngài bèn biết toàn bộ, chẳng nghe cũng biết, chẳng học cũng biết. Tánh là cùng một tánh, tướng là thiên sai vạn biệt, nhưng tánh là một. Vì thế, học Phật giống như tựa đề bộ kinh này rất hay, hoàn toàn viết ra nhân quả của sự minh tâm kiến tánh. Nhân là gì? Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Bất luận tu học pháp môn nào, tám vạn bốn ngàn pháp môn, Hiền giáo, Mật giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tu gì? Tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, “*pháp*” là phương pháp, tu phương pháp thanh tịnh, bình đẳng, giác, “*môn*” là môn đạo (đường lối), môn kính (đường nẻo), phương pháp tu hành, đường lối vô lượng vô biên. Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyễn có nói: “*Pháp môn vô lượng thệ Nguyễn học*”, đúng là chẳng giả tí nào! Thừa chư vị, trong kinh Bát Nhã, đức Phật đã nói: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, bất luận một môn nào! Vì sao? Đều do tự tánh hiện, tâm sanh, tâm hiện, đều do thức biến; vì vậy, chúng bình đẳng. Nói cách khác, bất luận một môn nào,

quý vị chỉ tìm được năng sanh, năng hiện, năng biến của nó, chẳng phải là quý vị thành Phật ư? Từ hết thấy các pháp tướng, chúng ta thấy chúng là sở sanh, sở hiện, sở biến, quý vị tìm được cội nguồn của chúng, chúng do đâu mà có, tìm được cái năng sanh, năng hiện, năng biến rồi, năng biến là A Lại Da, năng sanh, năng hiện là tự tánh, chẳng phải là đã kiến tánh ư? Đó là nội học. Tìm bên ngoài sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được, đức Phật gọi kẻ tìm bên ngoài là ngoại đạo, phương hướng sai lầm. Hãy hướng vào trong mà tìm, tìm bên ngoài sẽ vĩnh viễn chẳng tìm được. Vì thế, người hễ quay đầu, căn tánh bèn nhảy bèn, người Trung Quốc nói đó là trí huệ thượng thượng, là chúng tánh Ba La Mật Đa.

Thứ hai, “*đắc Vô Học quả vị*”. Quả Vô Học là A La Hán, ở đây, kinh nói là “*Đại A La Hán*”, quả Vô Học này chẳng phải là Tiểu Thừa A La Hán, mà là Đại A La Hán. Đại A La Hán là ai? Thập Địa Bồ Tát! Trong Đại Thừa, Thập Địa Bồ Tát được gọi là Vô Học, trong Tiểu Thừa A La Hán là Vô Học. Thập Địa Bồ Tát thù thắng lắm!

Loại thứ ba: “*Đắc tiểu quả dĩ, xu đại Bồ Đề*” (đã đắc tiểu quả, tiến lên đại Bồ Đề) cũng đúng! “*Tiểu quả*” là Tiểu Thừa A La Hán hoặc Bích Chi Phật, chúng đắc quả vị này, hồi Tiểu hướng Đại, nên biến thành đại tỳ-kheo. Phật Địa Luận giảng ba ý nghĩa ấy. “*Dĩ thượng tam nghĩa, cố danh viết Đại*” (Do ba nghĩa trên đây nên gọi là Đại).

“*Hựu Gia Tường sư vị Đại hữu tam nghĩa*” (Ngài Gia Tường lại bảo: “Đại có ba nghĩa”). Bản chú giải kinh này của ngài Gia Tường là Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, khi giải thích chữ Đại, Ngài đã dùng ba ý nghĩa sau đây: “*Nhất sanh đại giải, nhị phá đại ác, tam chứng đại quả*” (Một là sanh sự hiểu biết lớn lao, hai là phá ác lớn, ba là chứng đại quả). “*Sanh đại giải*” là trí huệ. “*Phá đại ác*” là buông đại ác xuống, đại ác là gì? Tham, sân, si, mạn, triệt để buông xuống. “*Chứng đại quả*”, nói theo cách thông thường, đại quả là Pháp Thân đại sĩ, vượt thoát mười pháp giới; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, đoạn hết. “*Do thượng khả kiến đại tỳ-kheo giả nãi đức cao vọng trọng, hồi Tiểu hướng Đại chi tỳ-kheo, nãi tỳ-kheo chúng trung chi tôn túc*” (Do những điều trên, ta thấy đại tỳ-kheo là bậc tỳ-kheo đức cao vọng trọng, từ Tiểu Thừa hướng đến Đại Thừa, là bậc tôn túc trong các tỳ-kheo), người Trung Quốc gọi các vị ấy là “*trưởng lão*”. Kinh nói rõ, một vạn hai ngàn người tham gia pháp hội này. “*Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu*” (và các đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp), nay những người đến tham gia pháp hội Vô Lượng Thọ Kinh chẳng phải là người thường, kinh Phật gọi họ là bậc đại quyền thị hiện. “*Đại*” là chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ đến giúp đỡ Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, thị hiện đủ mọi cách. Đây là “*một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ*”, đây là nói về Đa (nhiều), chẳng phải chỉ có một ngàn! Chư Phật, Pháp Thân đại sĩ, có vị thị hiện làm học trò Phật, xuất gia hay tại gia, có những vị thị hiện làm hộ pháp của đức Phật. Còn có những vị thị hiện làm nhân vật phản diện đến chướng ngại Phật pháp, đến gây rối Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chẳng phải là phạm nhân. Đề Bà Đạt Đa cũng là cô

Phật tái lai, đến thị hiện, Lục Quân tỳ-kheo cũng thế. Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị đọc năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài sẽ thấy có ý vị, bèn hiểu: Đều là chư Phật Như Lai thị hiện đủ mọi lẽ nhằm thành tựu một người tu hành. Nếu người tu hành thật sự hiểu, phải bao lâu mới thành Phật? Một đời! Đây là kẻ bình phàm, chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Bậc thượng thượng căn thành Phật trong một niệm. Phàm nhân thành Phật, chắc chắn có thể làm được trong một đời. Quý vị thật sự có thể lý giải, thật sự hạ quyết tâm buông xuống. Trước hết, hãy bắt đầu từ tự tư tự lợi, từ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, thực hiện từ những điều này, không ngừng tiến lên. Tập khí phiền não rất nặng, thật đấy, chẳng giả đâu! Sức dục dõ, mê hoặc của ngoại duyên quá lớn. Đây đều là chân tướng sự thật. Nếu chúng ta chẳng kiên trì, chẳng thể chịu khổ, chẳng thể nhẫn nhục, sẽ chẳng có một tí biện pháp nào. Làm sao để có thể giúp đỡ chúng ta? Đọc kinh, nghe giáo là phương pháp tốt nhất.

Cả đời này, tôi học Phật năm mươi chín năm, giảng kinh năm mươi hai năm, chẳng bị thế tục cảm nhiễm, do đâu mà đắc lực? Đắc lực do giảng kinh, và đọc kinh mỗi ngày, mỗi ngày chẳng rời khỏi kinh giáo, chẳng tách rời kinh giáo, chẳng lìa khỏi Phật, Bồ Tát. Mỗi ngày giảng kinh có nhiều thính chúng như vậy, thính chúng đều là Phật, Bồ Tát, đều là thiện tri thức của tôi. Họ đến đốc thúc tôi, mỗi ngày đều muốn nghe, nên tôi phải học mỗi ngày. Tôi chẳng học, lấy gì để giảng cho họ nghe? Họ đốc thúc tôi. Trong tâm mục của tôi, họ chẳng phải là thính chúng, mà là giám học, đều là thầy của tôi, thị hiện mọi lẽ. Học trò là ai? Chính tôi là học trò. Giống như Thiện Tài đồng tử, chính mình là học trò; trừ chính mình ra, hết thầy đều là chư Phật, Bồ Tát, thị hiện đủ mọi cách, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, đến thành tựu, giúp đỡ tôi. Vì thế, Thiện Tài thành Phật trong một đời. Nếu tôi tự cho mình là đúng, tôi là thầy, là pháp sư, các vị đều là học trò, là đồ chúng của tôi, thưa quý vị, tôi không chỉ chẳng thể thành tựu, sợ rằng còn phải đọa lạc. Vì sao? Có những ý niệm ấy, chắc chắn sẽ nảy sanh tham, sân, si, mạn, tức ngạo mạn, chắc chắn tạo tội nghiệp; một vạn hai ngàn người thị hiện, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chẳng phải là uổng công ư? Có mấy ai hiểu được, nhìn ra, thấy được đường nẻo này, thật sự đúng lý, đúng pháp, y giáo tu hành.

Tiếp đó nói: “*Vạn nhị thiên nhân câu*” (một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp), tham gia pháp hội lần này là một vạn hai ngàn người, “*tiêu tỳ-kheo chi nhân số*” (nêu ra số lượng các tỳ-kheo). Chúng ta cần phải biết điều này, vì sao? Tham gia pháp hội, ngoài các tỳ-kheo còn có rất nhiều người, có thể thấy pháp hội này thù thắng. “*Hội Sơ viết: Chư kinh đa tiêu thiên nhị bách ngũ thập nhân, kim kinh dĩ Pháp Hoa tiêu vạn nhị thiên nhân, cái thị xuất thế bản hoài, nhất đại thắng hội, có thập phương đại đức giai vân tập hồ*” (Bộ Hội Sơ viết: “Các kinh thường nêu một ngàn hai trăm năm mươi người. Kinh này và kinh Pháp Hoa lại nói một vạn hai ngàn người. Đó là do bản hoài xuất thế, là pháp hội thù thắng trong cả một đời, nên mười phương đại đức đều như mây nhóm đến đó chẳng?”). Chữ “*hồ*” (乎) là đánh dấu hỏi, là một nghi vấn, nhằm nói rõ điều gì?

Hội này chẳng phải là pháp hội tầm thường, mà là một pháp hội thù thắng khôn sánh. Đức Phật giảng kinh Pháp Hoa, tỳ-kheo một vạn hai ngàn vị; giảng bộ kinh này cũng là một vạn hai ngàn người, có nghĩa là giáo nghĩa kinh này và kinh Pháp Hoa ngang nhau, bình đẳng. Kinh Pháp Hoa là Nhất Thừa Viên giáo. Từ xưa, các tổ sư phán giáo, phán định Đại Thừa, Tiểu Thừa, ngoài Tiểu Thừa và Đại Thừa còn có Nhất Thừa. Đại Thừa là Bồ Tát, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Nhất Thừa là Phật. Pháp hội này giảng gì? Giảng pháp môn thành Phật, đó là Nhất Thừa. Nếu tiêu chuẩn tối cao trong một pháp môn là giảng cách tu thành Bồ Tát, đấy là Đại Thừa; nếu chỉ giảng [phương pháp] thành A La Hán, thành Bích Chi Phật, đó là Tiểu Thừa. Tổ sư đại đức thường nói về kinh Pháp Hoa như sau: “*Thành Phật Pháp Hoa, khai trí huệ Lăng Nghiêm*”, kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, kinh Pháp Hoa thành Phật, bộ kinh này thì sao? Kinh này thành Phật! Kinh Hoa Nghiêm cũng là thành Phật, kinh Hoa Nghiêm thành Phật như thế nào? Đến cuối cùng mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Kinh Pháp Hoa cũng không ngoại lệ, phàm là kinh Nhất Thừa thành Phật đều dính líu đến kinh Vô Lượng Thọ. Trong lời tựa cho bản hội tập, lão cư sĩ Mai Quang Hy đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Vì thế, chuyện được ghi chép bởi câu này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu, chúng ta vừa nhìn liền hiểu tầm trọng yếu của bộ kinh này. Thuở trước, vào thời Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, thuở ấy, Ngài đã căn cứ trên kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta không biết Huệ Viễn đại sư đã dựa theo bản dịch nào, nhưng trong mục lục, chúng ta thấy có ghi bản dịch của An Thế Cao, nên chúng ta có lý do để tin tưởng: Huệ Viễn đại sư phải dùng bản dịch của ngài An Thế Cao, đáng tiếc là bản ấy đã thất truyền. Trong các vị đại sư phiên dịch trải các đời, An Thế Cao và Cưu Ma La Thập là hai vị đại sư phiên dịch được người Trung Quốc thích đọc nhất. Họ dịch theo lối dịch ý, chẳng phải là trực dịch. Nay chúng ta thấy bản dịch của hai vị đại đức ấy trong Đại Tạng Kinh đều vô cùng hoan hỷ. Do Đông Tấn vẫn còn rất gần với thời đại của ngài An Thế Cao, chúng tôi có lý do để tin tưởng: Vào thuở ấy, Viễn công đại sư phải có được bản dịch ấy. “*Thượng thuyết thậm thị*” (thuyết trên đây thật đúng), tức là [cụ Hoàng Niệm Tổ nhận định] sách Hội Sớ nói rất có lý. “*Hội chúng chi tịnh, chánh biểu Thế Tôn thuyết pháp chi thắng dã*” (Đại chúng tham dự pháp hội đông đảo, biểu thị đức Thế Tôn thuyết pháp thù thắng), kinh Vô Lượng Thọ giảng pháp thù thắng khôn sánh. “*Hựu Câu giả, cộng tập chi nghĩa*” (lại nữa, Câu có nghĩa là cùng nhóm họp lại). “*Câu*” (俱) là mọi người cùng nhau học tập, cùng nhau đề xướng, cùng nhau hoằng dương, cùng nhau phổ độ hết thảy đại chúng, có ý nghĩa này.

Hai câu kế tiếp đó: “*Nhất thiết đại thánh, thân thông dĩ đạt. Thượng nhị cú, tán chư đại tỳ-kheo chi đức*” (Câu “hết thảy đại thánh thân thông đã đạt” khen ngợi đức của các đại tỳ-kheo). Đây là tán thán. Hai câu này là tổng tán, đến phần sau, chúng ta sẽ thấy lời biệt tán, tán thán rất nhiều. Tán thán phẩm đức của các vị đại tỳ-kheo, trong ấy chứa đựng ý nghĩa rất sâu, [những đức năng của các vị đại tỳ-kheo] chính là đức năng vốn sẵn đủ trong tự tánh của chúng ta. Quý vị thấy những đức năng ấy trong tự

tánh thấy đều có, chỉ là hiện tại bị mê mắt. Đọc xong sẽ có ý niệm: Chúng ta phải tìm lại Tánh Đức, quá tốt đẹp! Tìm như thế nào? Buông tập khí phiền não xuống, Tánh Đức sẽ trở lại. Chúng ta có thể buông xuống một phần, Tánh Đức sẽ hiển lộ một phần. Có thể buông xuống hai phần, Tánh Đức sẽ hiển lộ hai phần. Không nhất định phải buông xuống viên mãn, buông xuống viên mãn sẽ thành Phật, viên mãn hiện tiền. Chỉ cần thật sự làm, quý vị sẽ có lòng tin tràn trề, sẽ ngập tràn pháp hỷ. Trong Phật môn thường nói là “phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng”. Phiền não mỗi ngày nhẹ dần, trí huệ mỗi ngày tăng thêm. Phiền não mỗi năm giảm dần, trí huệ mỗi năm tăng trưởng. Phiền não mỗi tháng giảm nhẹ, trí huệ mỗi tháng tăng trưởng. Tới lúc mỗi tháng phiền não nhẹ dần, trí huệ tăng dần, quý vị sẽ pháp hỷ sung mãn; mỗi ngày đều tăng trưởng, gần như quý vị sẽ nhanh chóng thành Phật, cách Vô Thượng Bồ Đề chẳng xa!

“*Nhất thiết, nãi cai la sự vật chi xưng*” (“Nhất thiết” là tiếng để gọi chung tất cả sự vật), tức là bao gồm tất cả hết thảy. “*Hựu nhất thiết, phổ dã. Nhất thiết đại thánh, tán thán chi từ*” (“nhất thiết” còn có nghĩa là khắp cả. “Nhất thiết đại thánh” là lời khen ngợi). Trong Gia Tường Sớ có giải thích: “*Du tâm Không lý; ản, hiển nan trắc, cố xưng thánh nhân*” (Tâm đạo nơi lý Không; ản, hiển khó lường, nên gọi là thánh nhân), ý nghĩa này dễ hiểu. Thấy thánh nhân dụng tâm khác với chúng ta, tâm chúng ta trái nghịch tâm họ. Tâm chúng ta chẳng Không, trong ấy có quá nhiều thứ tạp nhạp. Tâm chúng ta trái nghịch lý (lý là tự tánh). Tự tánh đúng là thứ gì cũng chẳng có, nó là Không, là Lý Thể để vạn sự vạn pháp nương vào. Vạn sự vạn pháp trong vũ trụ do đâu mà có? Những đạo lý, năng sanh, năng hiện, năng biến, Lý Thể là tự tánh, mười pháp giới đều bao gồm trong ấy. Thức biến, mười pháp giới là thức biến. Tự tánh chẳng phải là vật chất, cũng chẳng phải là tinh thần. Nó có thể hiện vật chất, mà cũng có thể hiện tinh thần. Khi nó hiện, tức là Hiện, Hiện là hiện. Khi chẳng hiện thì gọi là Ẩn. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”, đó là Ẩn, chẳng hiện. Vốn tự trọn đủ, tuy cái gì cũng chẳng phải là nó, nhưng nó có thể hiện bất cứ điều gì. Câu cuối cùng là “*có thể sanh ra vạn pháp*”, đó là Hiện. Tổ nói năm câu thì câu thứ ba là Ẩn, câu cuối cùng là Hiện, đều chẳng thể nghĩ bàn. Câu “chẳng thể nghĩ bàn” này có ý nghĩa vô cùng sâu, quý vị chẳng cần phải suy tưởng, chẳng cần phải thảo luận, vì sao? Hễ suy tưởng thì toàn bộ đã trật rồi! Quý vị thảo luận cũng sai luôn! Đừng suy tưởng, đừng thảo luận, chân tướng sẽ hiện tiền, quý vị thấy toàn bộ. Quý vị tư duy nó thì toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ hiện tiền.

Có sao mê? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn mê. Mê thì chẳng thể giác ngộ, mê chỉ có càng mê hơn, càng mê càng sâu! Đức Phật dạy chúng ta, buông xuống là được, đừng quan tâm tới nó, chỉ buông xuống. Buông chấp trước xuống bèn thành A La Hán, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Buông phân biệt xuống, phân biệt là Trần Sa phiền não, buông phân biệt xuống là Bồ Tát. Buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị bèn thành Phật, trong hội Hoa Nghiêm những vị ấy được gọi là Pháp Thân đại sĩ. Tu hành trong Phật pháp, ngàn lời, vạn câu đều là một câu, đều khuyên quý vị hãy buông

xuống, phải giữ cho thân tâm thanh tịnh. Quan trọng nhất là tâm, tâm thanh tịnh, thân sẽ thanh tịnh, vì sao? Thân là một hiện tượng vật chất gần gũi chúng ta nhất, là cảnh giới, là tướng cảnh giới, cảnh chuyển theo tâm. Tâm là ý niệm, ý niệm là Mạt Na Thức và thức thứ sáu, tức Ý Thức. Thức thứ sáu (Ý Thức) phân biệt, thức thứ bảy chấp trước. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Hai thứ này vừa chuyển, A Lại Da và năm thức trước cũng chuyển theo. Tám thức chuyển có trước sau, thức thứ sáu và thức bảy chuyển trước, chuyển biến nơi nhân. Năm thức trước và thức thứ tám chuyển nơi quả. Quý vị thấy cảnh chuyển theo tâm. Có thể chuyển cảnh giới thì tu hành mới có công phu, mới thật sự biết tu. Chẳng chuyển được cảnh giới, quý vị tu uổng công. Nói “tu uổng công” thì vẫn là ca ngợi quý vị, chứ về căn bản, quý vị chẳng tu! Những sự lý, nhân duyên như vậy, nhất định phải đọc nhiều kinh luận Đại Thừa [mới hiểu được].

Đọc kinh cũng có bí quyết màu nhiệm, hễ hiểu sẽ có thụ dụng, lại còn rất nhanh chóng. Chẳng hiểu, sẽ khó khăn. Hiểu là gì? Thâm nhập một môn, huân tu dài lâu, đắc tam-muội ngay trong môn ấy. Tam-muội là Định, tâm thanh tịnh hiện tiền. Vì mỗi ngày quý vị nghĩ đến nó, chẳng có hơi sức đâu để nghĩ đến điều gì khác, toàn bộ những thứ tạp nhạp trong thế gian đều buông xuống, trong tâm chỉ giữ một thứ là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh, chỉ một thứ ấy. Giữ lâu ngày, tập khí phiền não tự nhiên đoạn hết. Đoạn phiền não, tam-muội hiện tiền, sau một thời gian lâu dài, quý vị sẽ đại triệt đại ngộ, khai ngộ kinh Vô Lượng Thọ. Một ngộ, hết thấy ngộ; không chỉ đối với hết thấy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, mà vô lượng đại pháp do mười phương ba đời hết thấy Như Lai đã giảng, quý vị đều thông suốt toàn bộ. Vì sao? Chẳng lừa tự tánh. Quý vị đã tìm được năng sanh, năng hiện, năng biến, đối với sở sanh, sở hiện, sở biến, không gì chẳng thông đạt, hiểu rõ toàn bộ. Tin tức này tốt đẹp, rất khó gặp gỡ, chúng ta đã gặp, phải tin tưởng. Hễ tin tưởng, quý vị bèn có phước. Vì sao? Tin tưởng thì quý vị sẽ thật sự muốn học, đúng như pháp tu hành, nên thật sự đạt được lợi ích. Nếu quý vị không tin, sẽ chẳng phát khởi ý nguyện học tập; nói theo nhà Phật là “chẳng phát tâm Bồ Đề”. Bởi lẽ, đối với tín, giải, hành, chứng, chẳng thể lý giải thấu triệt giáo huấn của Phật, Bồ Tát, lý giải chính xác, quý vị tu tập bằng cách nào? Quý vị tu học toàn là sai lầm, dẫu dụng công, dù nỗ lực, vẫn chẳng đạt được hiệu quả, cuối cùng mất lòng tin đối với Phật pháp! Nếu bị mất lòng tin, nầy sanh hoài nghi, lại hủy báng Phật pháp, tạo nghiệp quá nặng, chẳng bằng không học. Đồng tu học Phật, bắt luận xuất gia hay tại gia, chớ nên không biết điều này!

Thật sự muốn học thì vun bồi cội rễ giáo dục quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Quý vị không có cội rễ, dẫu nỗ lực cũng uổng công. Giống như trồng cây, thiếu rễ, quý vị trồng cách nào nó cũng chẳng sống được! Rễ quan trọng! Tại Trung Quốc, vào thời cổ, người học Phật có bốn cội rễ; vì thế, đời nào cũng đều có người chứng quả, khai ngộ, đắc Định rất nhiều. Đắc Định là đắc tâm thanh tịnh. Khai ngộ, chứng quả, tâm bình đẳng, tâm chánh giác đều hiện tiền, chánh giác là chứng quả. Đối với bốn cội rễ ấy, phải

biết Phật giáo Trung Quốc kể từ giữa đời Đường trở đi, không còn vun bồi cội rễ Tiểu Thừa. Xưa kia, Tiểu Thừa có Thành Thật Tông và Câu Xá Tông. Từ giữa đời Đường trở đi, tổ sư đại đức đề xướng dùng Nho, dùng Đạo thay thế Tiểu Thừa; vì thế, Nho, Thích, Đạo biến thành một nhà. Ngày nay chúng ta phải vun bồi căn cội, hãy hành theo giáo huấn của tổ tiên, vì hơn một ngàn bảy trăm năm qua, người thành tựu rất nhiều. Chúng ta dùng Đệ Tử Quy của Nho gia, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật pháp, đây là ba cội rễ, người xuất gia còn có một thứ nữa là Sa Di Luật Nghi, [do] bốn căn cội, quý vị mới thành tựu thù thắng. Hiện thời, chúng ta không thể thực hiện câu “*du tâm Không lý*” trong Gia Tường Sớ, nhưng Pháp Thân Bồ Tát thật sự có thể làm được câu ấy. Hiện thời, chúng ta có thể “*du tâm Di Đà*” đã tuyệt lắm rồi, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, thứ gì cũng đều không có. Cuộc sống, công việc hằng ngày, đãi người, tiếp vật hoàn toàn tuân thủ theo giáo huấn của ba cội rễ, hoặc bốn cội rễ, sẽ là thánh nhân trong thời hiện đại, đương nhiên Phật pháp sẽ hưng vượng. Phật giáo hưng vượng phải nhờ vào các đệ tử nghiêm túc nỗ lực học tập, khiến cho đại chúng bình phàm trong xã hội chẳng đến nỗi hiểu lầm [Phật giáo], tự nhiên tôn trọng, ủng hộ quý vị, hướng theo quý vị học tập.

“*Hội Sớ viết: Sơ Quả dĩ thượng, tất danh thánh giả. Dĩ cứu đại A La Hán, cố danh Đại Thánh*” (Sách Hội Sớ giảng: “Từ Sơ Quả trở lên đều gọi là Thánh. Đã cùng tột quả Đại A La Hán thì gọi là Đại Thánh”). Sách Hội Sớ giảng theo lối thông thường. Sơ Quả Tu Đà Hoàn là thánh nhân, là vị thánh nhỏ nhoi, vì sao? Ngài có thể đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chứng quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa. Nếu là Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, người chứng đắc địa vị Sơ Tín trong [các địa vị thuộc] Thập Tín Bồ Tát là nhập môn. Vì vậy, đối với chuyện nhập môn, tiêu chuẩn như tôi đã nói vẫn chưa được. Tôi thưa cùng quý vị, tiêu chuẩn như tôi đã nói chỉ đưa đến cửa ngõ, hết sức gần gũi, cũng có nghĩa là quý vị thật sự buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, quý vị sẽ ở trước cửa ngõ. Muốn vào cửa, nhất định phải đoạn sạch Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Đoạn hết năm thứ kiến giải sai lầm ấy, quý vị sẽ chứng đắc Tiểu Thừa Sơ Quả. Nếu học Đại Thừa, sẽ là Sơ Tín vị Bồ Tát, là thánh nhân, thật sự là thánh nhân. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, còn ở trong lục đạo, nhưng chắc chắn chẳng đọa tam ác đạo. Lại còn bảy lần sanh trong cõi trời hay trong nhân gian, luôn tu học, tối đa là bảy lần, quý vị chắc chắn chứng quả A La Hán. Trong Đại Thừa, tái sanh bảy lần, chứng đắc Đệ Thất Tín trong Thập Tín vị, bèn vượt thoát lục đạo. Thất Tín, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín thuộc vào tứ thánh pháp giới, Thất Tín là Thanh Văn pháp giới, Bát Tín là Duyên Giác, Cửu Tín là Bồ Tát, cao nhất là Phật, lại vượt thoát mười pháp giới, vượt thoát mười pháp giới là đại thánh. Những địa vị ấy (địa vị thấp hơn Sơ Trụ) đều chẳng thể coi là đại thánh, chỉ được coi là thánh nhân. Vượt thoát mười pháp giới, từ Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên, là Pháp Thân đại sĩ, trụ tại nơi đâu? Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Trên thực tế, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính

mình. Tới khi đó, quý vị mới thật sự hiểu rõ: “*Tự tánh Như Lai, duy tâm Tịnh Độ*”. Do vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự tâm hiện, tự tánh biến, chẳng phải là bên ngoài. Đó là quê nhà của quý vị, là nơi chốn quý vị vốn sẵn có. Vì thế, trở về cõi Thật Báo của A Di Đà Phật là quay về nhà, đâu có gì khó khăn!

Thật sự học Phật, quý vị chẳng thể không nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng thể không liễu giải Thích Ca Mâu Ni Phật. Quý vị học tập giống như Ngài, có lẽ nào chẳng thành Phật trong một đời! Đức Phật dạy chúng ta buông xuống, Ngài thật sự buông xuống, thứ gì cũng đều không có. Ngài sống cuộc đời đơn giản nhất, ba y một bát, đó là tài sản của Ngài. Toàn bộ tài sản là ba y một bát, đều mang theo thân. Thật vậy! Nếu nói theo phía tục nhân chúng ta, cái gì trên thân quý vị sẽ là của chính quý vị, chẳng ở trên thân sẽ chẳng phải là của chính mình. Tội thiếu là có quan niệm ấy! Trên thân quý vị có tiền, trong bóp có bao nhiêu tiền, đó là của chính mình, còn tiền cất trong ngân hàng chẳng phải là của quý vị. Căn nhà quý vị đang ở trong ấy, sống trong ấy, nó là của quý vị. Sau khi quý vị bước ra khỏi cửa, căn nhà ấy chẳng phải là của quý vị. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị có thể quán như thế, sẽ gần gũi Phật pháp, tham, sân, si dần dần bị hóa giải, đó là chân tướng sự thật, chớ nên không hiểu rõ. Quý vị thấy bà Lưu Tố Vân giảng về chữ “*trượng phu*” (chồng) rất khéo, trượng phu là gì? Trong vòng một trượng thì là chồng mình, ngoài một trượng bèn chẳng phải. Tôi nói với mọi người chuyện sát sao nhất, cái gì quý vị có trên thân là của quý vị, cái gì chẳng ở trên thân thì chẳng phải là của quý vị, tâm khai ý giải, mảy may vướng mắc cũng không có.

Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời nêu gương cho chúng ta. Vì thế, chúng ta phải học theo Ngài, học giống như Ngài. Ngài suốt đời theo đuổi sự nghiệp gì? Giáo học, kể từ ngày khai ngộ lúc ba mươi tuổi bèn bắt đầu giáo học, tới bảy mươi chín tuổi viên tịch, [dạy suốt] bốn mươi chín năm chẳng gián đoạn, chẳng thiếu một buổi học nào, là một vị thầy hết sức tận tụy. Ngài mang thân phận là một vị thầy chuyên nghiệp, thừa quý vị, chẳng hề dính dáng gì đến tôn giáo. Ngày nay hễ nhắc tới Phật giáo, hết thầy mọi người đều nghĩ Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng xứng đáng, đã “đày” Thích Ca Mâu Ni Phật vào trong tôn giáo. Vì thế, tôi nói tứ chúng đệ tử chúng ta đều phạm tội lỗi, thầy cả đời dạy học, sao lại bị tống vào tôn giáo, lẽ nào lại như vậy? Phật pháp truyền tới Trung Quốc, chúng ta đọc lịch sử, [kể từ lúc truyền vào] cho tới thời đầu nhà Thanh, [trải các triều] Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long cho tới Gia Khánh, Phật pháp vẫn là dạy học. Trong lịch sử [Trung Quốc], Phật giáo biến thành tôn giáo chưa đầy ba trăm năm, đấy là chuyện trong thời gần đây. Trước đó, tự viện, am đường là trường học, bao nhiêu người thành danh trong lịch sử học hành ở chỗ nào? Học từ trong chùa chiền! Chùa chiền là trường học, người đọc sách có thể sống trong chùa. Chùa chiền rất từ bi, có thể tiếp đãi người ấy. Trong chùa chiền, người xuất gia đều là thầy tốt, có năng lực dạy bảo quý vị. Trước đây, người đi thi Cử Nhân, hay thi Tiến Sĩ, đến đâu để học? Đều là đến chùa chiền, chùa chiền có kinh sách. Không chỉ là kinh Phật, tàng kinh lâu (lầu chứa kinh) là thư viện, trong ấy thứ gì cũng có. Không thiếu thầy giáo, học trò bất luận

có vấn đề gì, tìm người xuất gia, người xuất gia đều có thể dạy quý vị. Vì thế, người có tiền sống trong chùa, bỏ ra một ít tiền ăn ở; người không có tiền, chùa chiền vẫn chiếu cố quý vị. Quý vị thấy Phạm Trọng Yên cả đời đọc sách trong chùa, nhà rất nghèo túng, vì thế, sống trong chùa tự lo liệu ăn uống. Mỗi ngày, ông ta nấu một nồi cháo, nấu đặc một chút, chia thành bốn phần, để sống hết ngày. Học hành tốt đẹp, quý vị thấy về sau ông ta thi đỗ, công danh thành tựu, xuất tướng nhập tướng¹, cảm niệm nhà chùa đã thành tựu cho ông ta. Nếu không, ông ta đến đâu để học hành? Vì thế, thời cổ, chùa chiền có công hiến vô cùng to lớn đối với xã hội, thay quốc gia đào tạo bao nhiêu nhân tài. Chúng ta chớ nên không thông hiểu những chuyện lịch sử này!

Trước đây, chùa chiền là trường học, chẳng có kinh sám Phật sự. Danh xưng của chấp sự trong chùa chiền cho đến nay vẫn giữ nguyên, nhưng đã biến chất. Trụ Trì, Phương Trượng của tự viện là chức vị gì? Hiệu Trưởng. Thủ Tọa Hòa Thượng là Giáo Vụ Trưởng, Duy Na là Huấn Đạo Trưởng, Giám Viện là Tổng Vụ Trưởng. Quý vị thấy có giống như phân công trong nhà trường hiện thời hay không? Trong một ngôi chùa, có vài vị Thủ Tọa Hòa Thượng, chẳng phải là một, chia thành các giảng tòa giảng kinh. Điện đường là phòng học, pháp sư giảng kinh rất nhiều, chẳng phải là một, giống như trường học, chia thành lớp, nhưng [trong mỗi lớp] đều là thâm nhập một môn, huân tu lâu dài. Giảng đường này giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng đường kia giảng kinh Pháp Hoa, giảng đường khác giảng kinh Vô Lượng Thọ, quý vị muốn học gì bèn vào giảng đường đó. Quý vị chỉ có thể học một môn, chẳng thể học hai môn. Vì thế, trước đây nói là “đến tự viện, viết thảo kinh đơn”, [tức là] đến nơi ấy ghi danh [xin học một bộ kinh nào đó], giảng đường [giảng bộ kinh ấy] sẽ cho quý vị một chỗ ngồi, ký túc xá cho quý vị một cái giường, để quý vị có thể an tâm học tập ở nơi đó. Kỳ hạn là một bộ kinh, quý vị học xong một bộ kinh có thể rời khỏi. Nếu muốn học thêm một bộ nữa, lại ghi danh tiếp, học tiếp một bộ, nhưng thông thường, một bộ kinh phải giảng mấy tháng. Kinh dài phải mất một hai năm. Nhà chùa đúng là một trường học, có sao biến thành tình trạng như hiện thời? Thuở ấy, tôi học Phật cũng cảm thấy rất kỳ quái, bèn hỏi lão hòa thượng. Lúc đó, tôi theo lão hòa thượng Đạo An ở Đài Loan, Ngài rất quan tâm đến tôi, tuổi Ngài cũng đã rất cao. Tôi thỉnh giáo Ngài, tôi nói kinh sám Phật sự vì sao mà có? Do ai làm? Ngài suy nghĩ, rồi nói: “Rất có thể là do Đường Minh Hoàng² làm”. Ngài cũng có

1 Xuất tướng nhập tướng (出將入相): Ra ngoài là một vị tướng cầm quân, về triều là người đứng đầu trăm quan. Chữ Tướng (將) thứ nhất là tướng quân, chữ Tướng (相) thứ hai là Thừa Tướng hoặc Tể Tướng. Về sau, đến đời nhà Thanh, các vị quan được phong làm Đại Học Sĩ, hoặc tuyển vào Bí Thư Các cũng gọi “bái tướng” vì được trực tiếp bàn định triều chánh, xử lý chánh sự hằng ngày nên rất có thể lực.

2 Đường Minh Hoàng (695-762) chính là Đường Huyền Tông, tên thật là Lý Long Cơ, con trai thứ ba của Đường Duệ Tông (Lý Đán). Sử thường gọi là Minh Hoàng vì sau khi nhà vua mất, các văn quan xu phụ đã dâng một thụy hiệu dài dằng dặc là Chí Đạo Đại Thánh Đại Minh Hiếu Hoàng Đế. Lý Long Cơ anh tuấn, oai vệ, lắm tài nghệ, thuở trẻ là một vị vua rất tận tụy. Trước

căn cứ, vì thời Đường Minh Hoàng gặp phải loạn An Sử, tức là An Lộc Sơn tạo phản, do Dương Quý Phi dẫn khởi. Cuộc bạo loạn ấy khiến cho nhà Đường gần mất ngôi, may mắn là được một nhóm người như Quách Tử Nghi dẹp yên con biển loạn ấy. Sau khi yên ổn, tại mỗi nơi chiến trường, Đường Minh Hoàng dựng một ngôi chùa, đặt tên là chùa Khai Nguyên, vì cuộc động loạn xảy ra trong niên hiệu Khai Nguyên. Mỗi địa phương dựng một ngôi Khai Nguyên Tự, dựng chùa nhằm truy điệu quân dân tử nạn. Đó là khởi đầu, mang tánh chất kỷ niệm giống như Trung Liệt Từ³, thỉnh các vị xuất gia tụng kinh siêu độ, hồi hướng cho họ. Quốc gia làm như vậy, nên trong dân gian, người già qua đời, cũng thỉnh pháp sư đến niệm kinh. Đương nhiên đó là ngẫu nhiên, có thể thỉnh pháp sư về nhà niệm kinh, nhất định đều là những vị quý nhân hay quan chức hiển đạt, chẳng phải là bình dân. Người xuất gia làm chuyện này là kèm thêm, thỉnh thoảng làm kèm thêm. Pháp sư Đạo An bảo tôi, có thể đó là khởi đầu, vì trước đó, chưa hề nghe nói tới [chuyện tăng sĩ làm kinh sám Phật sự].

Tôi nghĩ: Thật sự biến thành tình hình như hiện tại là do Từ Hy, Từ Hy Thái Hậu tạo oan nghiệt. Dưới đời nhà Thanh trước kia, đế vương thường lễ thỉnh học giả Nho, Thích, Đạo giảng học trong hoàng cung. Hoàng thượng dẫn phi tần, văn võ bá quan đến nghe giảng, chế độ này mãi cho đến đời Hàm Phong vẫn còn (hoàng đế Hàm Phong là chồng của Từ Hy Thái Hậu), vẫn còn gìn giữ. Giảng nghĩa trong cung đình, giảng nghĩa

đó, khi Lý Trị (Đường Cao Tông, chồng Võ Tắc Thiên) chết, Võ Tắc Thiên đã đưa con trai là Lý Hiền lên ngôi làm vua bù nhìn, tức Đường Trung Tông, rồi lấy cơ phé vị vua này chỉ trong một tháng, đưa em trai của Lý Hiền là Lý Đán lên ngôi, tức Đường Duệ Tông. Đường Duệ Tông làm vua được sáu năm thì bị Võ Tắc Thiên ép phải nhường ngôi cho bà ta lên làm vua nhà Đại Châu Lý Đán bị giáng xuống làm Thái Tử và đổi tên thành Võ Luân. Trong giai đoạn ấy, Lý Long Cơ đã ngấm ngầm tuyên mộ dũng sĩ chờ thời. Khi Võ Tắc Thiên bị ép thoái vị, quần thần lại tôn Lý Hiền làm vua lần nữa. Vì hoàng hậu muốn trở thành Võ Tắc Thiên thứ hai, nên ngấm ngầm hạ độc Lý Hiền, lập Lý Trọng Mậu lên thay, tức Đường Thương Đế. Lý Long Cơ liền liên kết với Thái Bình công chúa (con gái Võ Tắc Thiên) đập tan âm mưu này, hạ ngục Vi Hậu, giáng Lý Trọng Mậu xuống làm Ôn Vương, đón cha là Lý Đán về làm vua như cũ. Nhà Đường đạt đến thời thịnh trị Khai Nguyên khi Lý Long Cơ làm vua. Vua chỉnh lý hệ thống hành chính, trừ diệt tham quan, trọng dụng hiền tài, trừng trị quý tộc chiếm đoạt đất của dân lành. Về già, ông sủng ái Dương Quý Phi, bỏ mặc cho anh trai Dương Quý Phi là Dương Quốc Trung lũng đoạn triều chính dẫn đến chuyện An Sử (An Lộc Sơn và Sử Tư Minh) làm loạn, đến nỗi vua tôi phải chạy vào đất Thục (Tứ Xuyên). Mãi cho đến khi thái tử Lý Hanh được quần thần tôn lên ngôi hoàng đế ở Linh Châu, tức Đường Túc Tông, tập trung quân lực đập tan An Lộc Sơn mới đón Đường Minh Hoàng về lại Trường An, tôn Đường Minh Hoàng làm Thái Thượng Hoàng.

3 Trung Liệt Từ là nơi thờ các vị anh hùng trung lương liệt sĩ, còn được gọi bằng các danh xưng như Trung Hồn Từ, Anh Liệt Từ, Anh Hồn Từ, Anh Linh Từ, Trung Liệt Miếu, Chiêu Trung Từ, Hiền Trung Từ. Một nơi nổi tiếng nhất chính là Pháp Nguyên Tự ở Bắc Kinh. Ngôi chùa này do Đường Thái Tông hạ chiếu xây dựng với danh xưng Mãn Trung Tự nhằm kỷ niệm, truy điệu tướng sĩ trận vong trong cuộc đông chinh Cao Ly, đến đời Thanh chùa được đổi tên thành Pháp Nguyên Tự.

Nho, Thích, Đạo. Họ đặc biệt tôn trọng Phật pháp, [nhưng giảng nghĩa Phật pháp không bảo lưu] trong Tứ Khố, giảng nghĩa của Nho gia và Đạo gia đều có trong Tứ Khố Toàn Thư. Đôi khi, tôi mở [bộ Tứ Khố] ra xem, coi cách giảng trong hoàng cung của người thuở trước rốt cuộc là như thế nào. Giảng Tứ Thư theo cách nào? Giảng Ngũ Kinh theo cách nào? Những bản giảng nghĩa ấy vẫn còn tồn tại, nhưng đối với Phật pháp, bèn đặc biệt biên tập một bộ Đại Tạng Kinh, gọi là Càn Long Đại Tạng Kinh, không xếp [những bài giảng kinh Phật] vào Tứ Khố, đó là đặc biệt tôn trọng Phật pháp. Do lịch đại đế vương đều là đệ tử Tam Bảo, những vị đại đức thuộc hàng đức cao vọng trọng đều phong làm quốc sư. Triều đình nhà Thanh làm như vậy đó. Sau khi Hàm Phong qua đời⁴, con còn rất nhỏ, con trai Từ Hy Thái Hậu làm tiểu hoàng đế, quyền lực triều chánh lọt vào tay bà ta, thùy liêm thính chánh⁵. Cho nên con trai bà ta [có niên hiệu] là Đồng Trị, tức là bà ta và con trai cùng trị vì quốc gia, phiền phức khá lớn. Bà ta tin tưởng quỷ thần, bãi bỏ chuyện thỉnh đại đức giảng học trong cung đình, điều này có ảnh hưởng quá lớn đối với văn hóa truyền thống Trung Quốc. Vì sao văn hóa truyền thống hiện thời suy vi đến nỗi này? Đầu sở là Từ Hy Thái Hậu, tin tưởng cầu cơ, chẳng tin kinh điển, cũng chẳng nghe lời, tin tưởng các vị cao tăng đại đức. Bà ta cầu cơ phù loạn, kết quả là quốc gia tiêu vong từ đó. Thuở tôi còn trẻ, Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Chương Gia đời trước⁶ là quốc sư của Từ Hy Thái Hậu, toàn là hữu danh

4 Hàm Phong (1831-1861) là vua thứ chín của nhà Thanh, tên thật là Ái Tân Giác La Dịch Trữ (Aisin-Gioro Iju), con thứ tư của Đạo Quang, lên ngôi năm mười chín tuổi. Triều đại của nhà vua bị lung lay bởi cuộc biến loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn khởi xướng, đồng thời miền Bắc Trung Hoa nổ ra cuộc biến loạn của Niệm Quân (một phong trào nông dân dấy loạn do Trương Lạc Hành lãnh đạo). Khi vừa dẹp yên hai cuộc biến loạn này, chiến tranh Nha Phiến nổ ra, liên quân Anh Pháp tấn công Thiên Tân, triều đình nhà Thanh phải bỏ chạy về hành cung ở Nhiệt Hà để lánh nạn. Vua chết tại hành cung Nhiệt Hà lúc 31 tuổi. Nói chung, nhà vua nhu nhược, thiếu quyết đoán và ham mê tử sắc.

5 Thùy liêm thính chánh (buông rèm nghe việc triều chánh): Khi vua còn quá nhỏ, thường mời Thái Hậu giúp việc cai trị. Do trong cổ lễ, phụ nữ không tiện lộ mặt trước nam giới nếu người ấy không phải là chồng, cha, anh, hay em trai ruột, nên triều thần thường kê ghế sau ngai vàng, căng rèm cho Thái Hậu ngồi. Trên thực tế, vua còn quá nhỏ nên Thái Hậu toàn quyền cai trị. Khi vua Hàm Phong chết, con là Đồng Trị (Ái Tân Giác La Tải Thuần, Dzai Šun) mới năm tuổi. Trước đó, Hàm Phong đã chỉ định tám vị đại thần làm Cố Mạn Phụ Chánh Đại Thần. Khi Hàm Phong chết, Tải Thuần được triều thần tôn lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Kỳ Tường, nhưng Từ An Thái Hậu (Nữ Hồ Lộ Thị), Từ Hy Thái Hậu (Diệp Hách Na La Thị) và Cung Thân Vương (Dịch Hân) đã đảo chánh (sử gọi sự kiện này là Tân Dậu Chánh Biến), hạ bệ tám vị đại thần, đoạt quyền phụ chánh, đổi niên hiệu từ Kỳ Tường sang Đồng Trị. Theo các sử gia Trung Hoa, Đồng Trị có nghĩa là “đồng quy ư trị”, hoặc “mẫu tử đồng trị thiên hạ”. Tuy mang tiếng là vua, Đồng Trị chỉ là bù nhìn trong tay Từ Hy, đến năm mười tám tuổi bèn chết. Tuy Từ An cũng mang tiếng cùng thùy liêm thính chánh với Từ Hy, nhưng hầu như trên thực tế chẳng có quyền lực gì.

6 Người Mãn Châu và Tây Tạng tin Chương Gia đại sư là hóa thân của A La Hán Tôn Đạt, chuyển thế đến đời thứ năm bèn giảng sanh ở tỉnh Thanh Hải (Trung Hoa), từ đời thứ mười ba

vô thực, bà ta cũng chẳng hỏi ý Ngài. Trong quá khứ, hễ thật sự gặp đại sự nghi nan, đế vương bèn hỏi ý kiến các vị đại đức, tức các vị đại đức Nho, Thích, Đạo, họ cũng giống như cố vấn của hoàng thượng. Từ Hy Thái Hậu rất tôn trọng họ, nhưng chẳng nghe lời, mà nghe theo quỷ thần. Vì vậy, [Phật giáo Trung Quốc] phải là hoàn toàn bị biến chất vào lúc ấy.

Hiện thời, tự viện am đường Phật giáo nhìn không ra diện mục giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật, hoàn toàn chẳng nhìn thấy, Phật giáo bị biến thành mê tín. Hơn nữa, trong tôn giáo, Phật giáo lại là tôn giáo cấp thấp. Tôn giáo cao cấp chỉ có một thần, một vị chân thân, trong Phật giáo thờ Phật, Bồ Tát quá nhiều, người ta nghĩ các Ngài đều là thần, nên gọi Phật giáo là phiếm thần giáo, hoặc đa thần giáo. Phiếm thần giáo, đa thần giáo là tôn giáo cấp thấp. Tứ chúng đệ tử chúng ta ngày nay đều có nghĩa vụ giảng rõ ràng, rành rẽ chuyện này cho xã hội. Cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục, nói theo cách bây giờ là văn hóa xã hội giáo dục đa nguyên, giáo dục trọn khắp thế gian, có thể mang lại an định, hòa bình cho xã hội, có thể mang lại hạnh phúc mỹ mãn cho hết thảy chúng sanh, là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, những điều ấy đều được gồm trong Phật giáo. Một số ít học giả, chuyên gia lại mong muốn tiến cao hơn, trong kinh Phật có giáo dục triết học và giáo dục khoa học, đều giảng đến mức viên mãn rất ráo. Ngày nay, [kẻ khác] nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó đã thật sự biến thành tôn giáo. Chúng ta đi theo con đường này là đi theo con đường giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lúc tôi mới xuất gia, các đồng tham, đồng học cũng đều rất muốn đi theo con đường này, nhưng lại sợ hãi, sợ gì vậy? Sợ đi theo con đường này trong tương lai sẽ chết đói, không có ai cúng dường! Kinh sám Phật sự, học ba tháng đánh pháp khí, xướng niệm là được rồi, đã có thể kiếm tiền; làm mười năm, hay tám năm, tích góp có thể dựng một ngôi chùa nhỏ, [nên đại đa số người xuất gia] đều đi theo con đường ấy, chứ giảng kinh, giáo học mọi người đều sợ. Tôi sống cả đời chẳng chết đói, vẫn sống khá lắm, nhưng con đường này (giáo học, giảng kinh) vô cùng khổ cực, vì sao khổ sở ngàn ấy? Chúng ta phải hiểu rõ ràng, rành rẽ nguyên nhân, chẳng đi theo [con đường này] sẽ chẳng được! Hy vọng mọi người nỗ lực khôi phục nền giáo dục Phật giáo. Nếu chẳng khôi phục giáo dục, Phật giáo chẳng có địa vị trong xã hội, rất đáng thương! Tất cả các tôn giáo, không chỉ riêng Phật giáo, đều phải trở về giáo dục, vì sao? Quý vị thấy mỗi vị sáng tổ tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Gia Tô (Jesus) dạy ba năm, bị kẻ khác hại chết. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed, Muhammad) dạy hai mươi bảy năm. Quý vị quan sát cẩn thận, vị giáo chủ sáng lập tôn giáo nào thoát đầu chẳng phải là dạy học? Nếu tôn giáo trở về giáo dục, tôn giáo sẽ được xã hội chấp nhận, vì nó công hiến, tạo lợi ích cho xã hội, mọi

trở đi bèn có hiệu là Chương Gia Hoạt Phật (theo tên gọi của vùng ấy). Vì thế, Chương Gia đại sư (thầy của lão pháp sư Tịnh Không) được coi là đời thứ mười chín, tuy Ngài chỉ là vị Chương Gia đời thứ bảy. Chương Gia đời thứ năm và thứ sáu đều là quốc sư dưới thời Từ Hy.

người tự nhiên ủng hộ, giúp đỡ quý vị phát triển. Quý vị là giáo dục, xã hội cần quý vị, khác hẳn! Do vậy, chúng tôi học tập đến chỗ này, cảm khái rất sâu.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Diệc khả tuy ngoại hiện Thanh Văn, nội bí Bồ Tát chi hạnh, cố danh đại thánh*” (Cũng có thể hiểu là tuy bề ngoài hiện làm Thanh Văn, bên trong ẩn giấu hạnh Bồ Tát nên gọi là Đại Thánh). Đây là nói về sự biểu thị pháp, xác thực có ý nghĩa này, nhưng trong kinh Đại Thừa, đức Phật cũng dạy rõ, chuyện này chẳng phải là giả. Trong các đệ tử thường tùy của đức Phật, quả thật có không ít vị đã thành Phật, thả chiếc bè Từ, đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo học. Như Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất đều đã sớm thành Phật, lần này Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện làm Phật, các Ngài đến làm đệ tử. Chẳng phải là người thông hiểu, lão luyện, sẽ chẳng thể nêu câu hỏi, họ cùng đức Phật một hỏi, một đáp, cố ý làm bộ không hiểu để đức Phật giải thích cho mọi người nghe, chẳng phải là các Ngài thật sự không hiểu. Ngay cả ngài A Nan cũng chẳng phải là phàm nhân, A Nan thị hiện Sơ Quả, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất thị hiện làm Tứ Quả La Hán, Bồ Tát chúng lại càng không cần phải nói nữa! Chư vị đều biết Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm đã sớm thành Phật, hiện tại mang thân phận Phật ở thế giới phương khác, nhưng đến khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật bèn mang thân phận Bồ Tát, đều là đến thị hiện. Do vậy, “*ngoại hiện Thanh Văn*” là ý nghĩa về mặt Hiện, “*nội bí Bồ Tát hạnh*” là Ẩn. Ẩn và hiện khác nhau, những vị này đều là bậc đại thánh.

“*Tịnh Ảnh Sơ viết, Đại hữu lưỡng nghĩa, nhất, vị cao danh Đại*” (Tịnh Ảnh Sơ giảng: “Đại có hai nghĩa: Một là địa vị cao lớn, nên gọi là Đại”), chủ yếu nói các vị tỳ-kheo có địa vị cao. Trong Phật pháp có học vị, nên Phật pháp đích xác là giáo dục. Phật, Bồ Tát, A La Hán là các danh xưng học vị trong Phật môn. Quý vị buông chấp trước xuống, đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ đắc Chánh Giác, sẽ được gọi là A La Hán. Vì vậy, đây là học vị, quý vị chứng đắc học vị thứ nhất. Quý vị lại có thể buông phân biệt xuống, và cũng đoạn sạch Trần Sa phiền não, bèn chứng học vị thứ hai là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là Bồ Tát. Lại tiến thêm bước nữa, không khởi tâm, chẳng động niệm, và cũng buông vô thi vô minh xuống, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bèn gọi là Phật Đà, đây là học vị tối cao. Vì thế, Phật Đà, Bồ Tát, A La Hán là ba học vị trong nền giáo dục của đức Phật; hết thầy chúng sanh vốn là Phật, tức là ai cũng đều có thể đạt được học vị tối cao. Điều này khác với tôn giáo! Trong tôn giáo, chỉ có một Thượng Đế, thần cũng chỉ có một, con người và thần chẳng ngang hàng, không thể nào [có chuyện con người tu thành Thượng Đế]. Nhà Phật chẳng giống như vậy, nhà Phật là “*hết thầy chúng sanh đều có thể thành Phật*”, kinh nói rất hay: “*Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh*”. Đã có Phật tánh, nhất định có thể chứng đắc Phật quả. Do vậy, nói theo tự tánh, vốn là Phật. Nói theo phương diện tu hành, quý vị nhất định có thể đạt được học vị này. Đó là địa vị cao, là ý nghĩa của chữ Đại. Thứ hai là “*đức thắng*”, [nghĩa là] đức thù thắng, vượt trội hết thầy tiểu thánh, nên gọi là Đại. “*Hội chánh vi thánh*” (hiểu biết đúng đắn là thánh), Chánh là chánh tri chánh kiến, đây là thánh nhân.

Tại Trung Quốc, các Ngài được gọi là Thánh, ở Ấn Độ, các Ngài được gọi là Phật. Chúng ta chớ nên không biết những ý nghĩa được bao hàm trong các danh từ thuật ngữ này.

“*Tổng thượng khả kiến, hoặc tòng đức nhi ngôn, khế u Không lý, hội hợp chánh đạo viết Thánh*” (Tổng hợp những điều trên đây, ta thấy: Nếu từ đức mà nói thì khế hợp lý Không, hiểu đúng chánh đạo nên gọi là Thánh). Đây là giải thích ý nghĩa chữ Thánh trong Đại Thánh. “*Hoặc tòng vị nhi ngôn, Sơ Quả dĩ thượng, xưng Thánh*” (Hoặc từ địa vị mà nói thì từ Sơ Quả trở lên đều gọi là Thánh); đây là tiểu thánh, chúng ta gọi Tu Đà Hoàn là vị thánh nhỏ, Ngài thật sự là thánh nhân, trọn chẳng phải là phàm nhân. “*Duy hồi Tiểu hướng Đại, hành Bồ Tát đạo, trực thú Phật quả giả (nãi danh cứu đại A La Hán)*” (chỉ có những ai hồi Tiểu hướng Đại, hành Bồ Tát đạo, hướng thẳng đến Phật quả (mới gọi là tột cùng quả Đại A La Hán)), thật sự hồi Tiểu hướng Đại, sôt sáng nỗ lực tu học Đại Thừa sẽ được là “*đại thánh*”. Mặt khác, “*đại quyền thị hiện*” đương nhiên lại càng chẳng cần phải nói nữa, đều là Bồ Tát tái lai, Pháp Thân đại sĩ tái lai, đương nhiên là đại thánh. Ý nghĩa “*đại thánh*” được nói đến đây.

Tiếp đó, nói về thần thông, tức “*thần thông dĩ đạt*” (thần thông đã đạt). “*Hựu Tịnh Ảnh viết, thần thông dĩ đạt, thán kỳ đức thắng, sở vi thần dị*” (Ngài Tịnh Ảnh lại nói: “Thần thông đã đạt là khen ngợi đức của họ thù thắng, việc làm thần dị”), “*sở vi*” (所為) là những việc họ làm, thần thông biến hóa. Chúng ta phải nhìn ra ý nghĩa của chữ Thần (神). Văn tự Trung Quốc là phù hiệu trí huệ, quý vị thấy chữ này ở trước mặt chúng ta, đối trước văn tự, bên trái là chữ Thị (示), tức chữ Thị trong Thị Hiện (示現). Phía trên chữ Thị là một vạch ngắn, chẳng phải là một chấm, hiện thời [trong chữ Thần, vạch ngắn phía trên chữ Thị được viết thành] một chấm. Nếu quý vị viết [chữ Thần theo lối] chữ Triện sẽ thấy, trong lối chữ Triện, chẳng phải là một chấm, mà là một vạch. Phía trên là một vạch ngắn, phía dưới là một vạch dài. Vào thời cổ, chữ này được gọi là Thượng, tại thượng (ở trên). Phía dưới có ba vạch, ba vạch là diễn tả hình tượng, tức là hiện tượng tự nhiên, [điều đó được gọi là] “*thùy tượng*” (biểu thị hình tượng). Thể hiện ý nghĩa gì? Hiện tượng được biểu hiện trên trời. Nói theo cách bây giờ sẽ là “hiện tượng tự nhiên”, mọi người hiểu ngay: Chữ Thị biểu thị hiện tượng tự nhiên. Cạnh đó là chữ Thân (申). Chữ Thân viết theo lối Cổ Triện sẽ giống như có ba cái ải, chính giữa có một thanh grom bấu kéo xuống⁷, nên gọi là Thông; [ý nói]: Vượt qua ba ải thông suốt. [Do

7 Để hình dung chữ Thị và chữ Thân viết theo lối triện như thế nào, xin quý vị xem hình ảnh trong các link sau:

- Chữ Thị (<http://commons.wikimedia.org/wiki/File:%E7%A4%BA-bigseal.svg>)

- Chữ Thân (<http://en.wiktionary.org/wiki/File:%E7%94%B3-seal.svg>)

vậy chữ Thần] có ý nghĩa: Người thông đạt hiện tượng tự nhiên được gọi là Thần, đây là giải thích ý nghĩa gốc của chữ này. Có một lần tôi đến thăm Cục Tôn Giáo Trung Quốc, cục trưởng Diệp Tiểu Văn tiếp đãi tôi, có nhắc tới chữ Thần này, tôi viết ra cho ông ta xem, giảng cho ông ta nghe. Ông ta bảo: “Nói như vậy thì vô thần luận nói chẳng suông!” Tôi đáp: “Đúng vậy! Chữ Thần có ý nghĩa ấy”. Quý vị phải hiểu ý nghĩa bao hàm trong văn tự Trung Quốc, quả thật là phù hiệu trí huệ. Người Trung Quốc nói thần nhân và thánh nhân; thần nhân và thánh nhân ý nghĩa tương thông. Thần là người thông đạt hết thấy hiện tượng vũ trụ, người ấy gọi là thần nhân. Thánh nhân: Thánh là hiểu rõ, người hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh gọi là thánh nhân. Do vậy, thần thánh thường dùng chung. Họ là người, chẳng dính dáng gì đến quỷ thần. Giảng rõ ràng, minh bạch. Sách Thuyết Văn Giải Tự⁸ giảng rất rõ ràng, đây là phù hiệu trí huệ.

“*Vô úng viết thông*” (Không bị úng trệ là Thông), đây là nói tới chướng ngại. Không có chướng ngại bèn thông đạt. “*Sở vị Thân Thông, Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, cập dĩ Lậu Tận*” (tức là Thân Thông (Thần Túc Thông), Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng và Lậu Tận), những thứ này [ngoại trừ Lậu Tận] được gọi đơn giản là “*ngũ chủng thần thông*” (năm thứ thần thông). Năm thứ ấy, hiện thời, trong nước gọi người có năng lực này là “*công năng đặc dị*”, Phật pháp nói những năng lực ấy là bản năng (năng lực sẵn có) của chúng ta, mỗi cá nhân chúng ta đều có; nhưng vì sao bị mất đi? Vì quý vị vọng niệm quá nhiều, phiền não dấy lên, nên bị chướng ngại, nguyên nhân là như vậy đó. Vì thế, tu Định nhằm để dằn khôi phục năng lực ấy. Tu Định là tu tâm thanh tịnh. Tâm phải đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, năng lực ấy sẽ tự nhiên khởi lên, hiện tiền. Vì thế, điều này chẳng có gì là hiếm hoi, lạ lùng, chúng là bản năng của con người. Tâm thanh tịnh sẽ khôi phục. Quý vị đọc kinh điển thấy Tu Đà Hoàn có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, cũng là buông xuống, bèn khôi phục hai thứ năng lực, một là Thiên Nhân, hai là Thiên Nhĩ. Hạng người bình phàm như chúng ta không thấy, nhưng Ngài có thể thấy, có thể nhìn xuyên vách tường, chúng ta gọi đó là “*công năng đặc dị*”. Ngài có thể nghe những âm thanh chúng ta không nghe được. Nếu là Tu Đà Hoàn, chúng ta đang tiến hành hoạt động giảng kinh giáo học ở tầng mười một, người ở mười tầng dưới làm gì, quý vị vừa nhìn liền thấy toàn bộ. Đó là Tu Đà Hoàn thật sự. Nếu nói “ta đã chứng đắc quả Tu Đà Hoàn”, mà hỏi có thấy chuyện sát vách hay không? Chẳng thấy! Đó là giả, chẳng thật. Tu Đà Hoàn nhất định có năng lực ấy.

8 Thuyết Văn Giải Tự là một trong các bộ tự điển chữ Hán đầu tiên của Trung Quốc, do Hứa Thận biên soạn vào thời Hán Hòa Đế. Ông đã có những lập luận khá độc đáo về cách phân chia bộ thủ, phân loại cách hình thành chữ Hán, lập ra khái niệm Lục Thư (sáu cách cấu tạo chữ Hán). Nội dung nhằm giải thích 9.353 chữ thông dụng thời ấy và 1.163 chữ được xếp vào loại Dị Thể Tự. Cho đến hiện thời, tác phẩm này vẫn được coi là sách gối đầu giường cho các nhà nghiên cứu Hán tự.

Nếu quý vị chứng Nhị Quả Tư Đà Hàm, quý vị có thêm hai thứ năng lực nữa là Tha Tâm và Túc Mạng, trong tâm người khác nghĩ chuyện gì, quý vị sẽ biết. Túc Mạng là đối với chính mình, đời đời kiếp kiếp quá khứ của ta [đều biết rõ]. A La Hán có thể biết năm trăm đời quá khứ. Tôi tin Nhị Quả phải biết ba đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời chẳng có vấn đề gì. Ngài biết trạng huống trong đời đời kiếp kiếp quá khứ. Tam Quả A Na Hàm, Thần Túc Thông giống như Tôn Ngộ Không, có thể biến hóa, có thể phân thân, nhưng lợi hại hơn, thánh nhân Tam Quả mà! Tứ Quả là A La Hán, Lưu Tận Thông, cũng có nghĩa là đoạn hết Kiến Tư phiền não, thoát ly lục đạo luân hồi. Trong lục đạo, Ngài chẳng có tí chướng ngại nào, cũng là ra vào lục đạo tự tại. Nay chúng ta chẳng thể ra khỏi lục đạo, nhưng Ngài có thể thoát ra. Đây là bản năng, chẳng hiếm hoi, lạ lùng tí nào, công phu định lực của quý vị càng sâu, năng lực càng mạnh. A La Hán chỉ có thể biết năm trăm đời quá khứ; nói cách khác, năng lực ấy chẳng phải là rất lớn. Bồ Tát có nhiều tầng cấp, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, càng lên cao, năng lực ấy càng lớn, càng thù thắng. Thiên Nhãn của A La Hán có thể thấy một tiểu thiên thế giới; ngài A Nậu Lô Đà là một vị A La Hán đặc biệt trong các vị A La Hán, vì mắt Ngài đã hỏng, đức Thế Tôn dạy Ngài tu Thiên Nhãn, Ngài tu thành công. Thiên Nhãn của Ngài khác các vị A La Hán thông thường, có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. A La Hán thông thường chỉ có thể thấy một tiểu thiên thế giới, chỉ riêng Ngài có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới là khả năng thấy được [bằng Thiên Nhãn] của các vị Bồ Tát thông thường. Đối với tam thiên đại thiên thế giới, các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm nói thế giới vô lượng vô biên, quý vị không có chướng ngại, sẽ đều có thể thấy. Vì vậy, triết học và khoa học được giảng trong kinh Phật là cảnh giới Hiện Lượng, chẳng phải là tầm thường; [những cảnh giới ấy do] đức Phật đích thân trông thấy. Các nhà khoa học hiện thời suy diễn từ toán học [rút ra] những thông tin, sau đây dùng dụng cụ khoa học để quan sát, thấy được một chút; nói chung, vẫn chưa thể nói rõ ràng. Phật pháp giảng vô cùng rõ ràng, vì sao? Đức Phật trông thấy, năng lực ấy được khôi phục toàn bộ, các khoa học gia và triết học gia chẳng có cách nào sánh bằng, phải biết điều này! Ở đây, đức Phật dạy chúng ta, chỉ cần quý vị khéo tu, sẽ có thể chứng đắc, đó là bản năng của quý vị. Ngài giảng trí huệ, đức năng, tướng hảo, những đức năng ấy đều là những thứ chính quý vị vốn sẵn có, phải nên khôi phục. Sau khi quý vị khôi phục, đúng là không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, chẳng phải là giả, tuyệt đối chẳng phải là mê tín. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.